

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HS-ST

Ngày: 04/12/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn H.

Ông Trương Văn H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Đại Ph - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Th - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2025/TLHS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 38/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2025; Thông báo đòi thời gian xét xử số: 05/TB-TA ngày 18 tháng 11 năm 2025 và số: 06/TB-TA ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà đối với bị cáo:

LÊ THỊ PH, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1981 tại Khánh Hoà. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 3/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S (Chết) và bà Nguyễn Thị Ngh (Chết); Có chồng và 04 con;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1956; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)

3. Bà Lương Kim Ph, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)

4. Bà Trần Thị Thu Ng, sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
6. Bà Lê Thị L (tên gọi khác: B), sinh năm: 2002; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
7. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
8. Bà Lương Kim T, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
9. Bà Nguyễn Thị Ngọc L (tên gọi khác: T), sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
10. Bà Phạm Thị K, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
11. Bà Lê Thị B (tên gọi khác: T), sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
12. Bà Lê Thị Nh, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn Ln 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
13. Bà Bùi Thị S, sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
14. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
15. Bà Lê Thị B, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
16. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
17. Bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác: B), sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
18. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
19. Bà Phạm Thị Q, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
20. Bà Lê Thị Kim Á, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
21. Bà Trương Thị S, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)

22. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
23. Bà Trương Thị G, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
24. Bà Phan Thị Th (tên gọi khác: G), sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
25. Bà Trương Thị L (tên gọi khác: S), sinh năm: 1961; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
26. Bà Trần Thị Cẩm Ph (tên gọi khác: K), sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
27. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
28. Bà Lê Thị Bé Ph, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
29. Bà Phan Thị H (tên gọi khác: M), sinh năm: 1969; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
30. Bà Đào Văn X, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
31. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
32. Bà Phạm Thị G, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
33. Bà Trần Thị B, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Thôn Lạc Tân 3, xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
34. Bà Nguyễn Thị Tư, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
35. Bà Bùi Thị Tuyết H, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
36. Bà Lê Thị Tuyết Ng, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
37. Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
38. Bà Phạm Thị Th (tên gọi khác: T), sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)
39. Anh Trần Kim T, sinh năm: 2004; Nơi cư trú: Thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. (Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Ph sinh sống và làm thuê tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà. Khoảng giữa tháng 10 năm 2024, Ph biết một số người dân ở xã C và xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã C, tỉnh Khánh Hoà) có nhu cầu vay tiền tiêu dùng nên Ph đã cho vay tiền trả góp để lấy lãi, hình thức vay tiền như sau: Người vay 1.000.000 đồng góp trong vòng 23 ngày với số tiền góp là 50.000 đồng/ngày/1.150.000 đồng tiền vay; vay 2.000.000 đồng góp trong vòng 23 ngày với số tiền góp là 100.000 đồng/ngày/2.300.000 đồng tiền vay; Vay 2.500.000 đồng góp trong vòng 30 ngày với số tiền góp là 100.000 đồng/ngày/3.000.000 đồng tiền vay; Vay 3.000.000 đồng góp trong vòng 23 ngày với số tiền góp là 150.000 đồng/ngày/3.450.000 đồng tiền vay; Vay 4.000.000 đồng góp trong vòng 23 ngày với số tiền góp là 200.000 đồng/ngày/4.600.000 đồng tiền vay; Vay 5.000.000 đồng góp trong vòng 30 ngày với số tiền góp là 200.000 đồng/ngày/6.000.000 đồng tiền vay; Vay 8.000.000 đồng góp trong vòng 23 ngày với số tiền góp là 400.000 đồng/ngày/9.200.000 đồng tiền vay, người vay không phải thế chấp, cầm cố giấy tờ, tài sản. Trường hợp người vay chưa trả xong mà muốn đáo hạn (coi/kê) khoản vay thì khi nhận tiền vay đáo hạn phải trả đủ tiền gốc và lãi của khoản vay trước. Hàng ngày, Ph sẽ đến nhà những người vay để thu tiền trực tiếp hoặc những người vay tiền sẽ tự đến nhà Ph đóng tiền. Quá trình cho vay, Ph đã ghi chép lại những thông tin về người vay, số tiền vay, số tiền thu lãi trong ngày và số ngày người vay đã trả vào một cuốn sổ để theo dõi. Ngày 09 tháng 01 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp nhận tố giác về tội phạm, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thị Ph, thu giữ 01 cuốn sổ bìa da có ghi chép việc cho vay tiền và tài liệu, đồ vật có liên quan.

Kết quả điều tra xác định từ ngày 28 tháng 10 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2025, Ph đã thỏa thuận cho 38 cá nhân vay tiền với tổng số tiền gốc cho vay là 118.000.000 đồng, lãi suất từ 165,91%/năm đến 2,433,33%/năm, thu lợi bất chính số tiền 61.489.714 đồng. Cụ thể:

1. Từ ngày 12/11/2024 đến ngày 04/01/2025, Ph cho bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1976 trú tại thôn Ln 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 07 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.500.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 1.460,00%/năm, thu lợi 3.500.000 đồng (*trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 287.671 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 3.212.329 đồng*). Bà Nguyễn Thị R đã trả hết tất cả khoản vay.

2. Từ ngày 11/11/2024 đến ngày 30/12/2024, Ph cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956 trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 10 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 3.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 782,14%/năm, thu lợi 2.250.000

đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 246.575 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 2.003.425 đồng). Bà Nguyễn Thị L đã trả hết tất cả khoản vay.

3. Ngày 11/11/2024, Ph cho bà Lương Kim Ph, sinh năm 1987 trú tại thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 01 lần với số tiền gốc cho vay là 5.000.000 đồng, lãi suất 243,33%/năm, thu lợi 1.000.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 82.192 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 917.808 đồng). Bà Lương Kim Ph đã trả hết khoản vay trên.

4. Từ ngày 11/11/2024 đến ngày 03/01/2025, Ph cho bà Trần Thị Thu Ng, sinh năm 1973, trú tại thôn Ln 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 06 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.500.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 1,460.00%/năm, thu lợi 3.000.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 246.575 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 2.753.425 đồng). Bà Trần Thị Thu Ng đã trả hết tất cả khoản vay.

5. Từ ngày 03/11/2024 đến ngày 01/01/2025, Ph cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 06 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 912,50%/năm, thu lợi 1.800.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 197.260 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.602.740 đồng). Bà Nguyễn Thị H đã trả hết tất cả khoản vay.

6. Từ ngày 11/11/2024 đến ngày 04/01/2025, Ph cho bà Lê Thị L (tên gọi khác: B), sinh năm 2002, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 05 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 1.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 608,33%/năm, thu lợi 750.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 82.192 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 667.808 đồng). Bà Lê Thị L đã trả hết tất cả khoản vay.

7. Từ ngày 04/11/2024 đến ngày 03/01/2025, Ph cho bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1972, trú tại thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 08 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 5.000.000 đồng, lãi suất từ 234,33%/năm đến 1,825,00%/năm, thu lợi 4.000.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 328.767 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 3.671.233 đồng). Bà Nguyễn Thị Ph đã trả hết tất cả khoản vay.

8. Từ ngày 09/12/2024 đến ngày 31/12/2024, Ph cho bà Lương Kim T, sinh năm 1983 trú tại thôn Lạc Nghiệp 1, xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hoà, vay 03 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 8.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 684,38%/năm, thu lợi 2.504.348 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là:

271.781 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 2.232.567 đồng). Bà Lương Kim T còn nợ 7.304.348 đồng tiền gốc.

9. Từ ngày 08/11/2024 đến ngày 21/12/2024, Ph cho bà Nguyễn Thị Ngọc L (tên gọi khác: T), sinh năm 1983 trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 03 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.500.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 365,00%/năm, thu lợi 1.500.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 123.288 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.376.712 đồng). Bà Nguyễn Thị Ngọc L đã trả hết tất cả khoản vay.

10. Từ ngày 07/11/2024 đến ngày 01/01/2025, Ph cho bà Phạm Thị K, sinh năm 1972, trú tại thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 05 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.500.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 1,042.86%/năm, thu lợi 2.500.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 205.479 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 2.294.521 đồng). Bà Phạm Thị K đã trả hết tất cả khoản vay.

11. Từ ngày 11/11/2024 đến ngày 08/12/2024, Ph cho Lê Thị B (tên gọi khác: T), sinh năm 1979, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 04 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 1.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 684,38%/năm, thu lợi 600.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 65.753 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 534.247 đồng). Bà Lê Thị B đã trả hết tất cả khoản vay.

12. Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 05/01/2025, Ph cho bà Lê Thị Nh, sinh năm 1986, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 07 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 7.500.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 486,67%/năm, thu lợi 5.500.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 452.055 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 5.047.945 đồng). Bà Lê Thị Nh đã trả hết tất cả khoản vay.

13. Từ ngày 11/12/2024 đến ngày 20/12/2024, Ph cho bà Bùi Thị S, sinh năm 1996, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 02 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 684,38%/năm, thu lợi 313.043 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 33.973 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 279.071 đồng). Bà Bùi Thị S còn nợ 1.913.043 đồng tiền gốc.

14. Từ ngày 04/11/2024 đến ngày 03/01/2025, Ph cho bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1993, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 06 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.500.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 912,50%/năm, thu lợi 2.566.667 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 210.959 đồng;

khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 2.355.708 đồng). Bà Huỳnh Thị L còn nợ 2.166.667 đồng tiền gốc.

15. Từ ngày 09/11/2024 đến ngày 11/12/2024, Ph cho bà Lê Thị B, sinh năm 1990, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 03 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.500.000 đồng, lãi suất 243,33%/năm đến 608,33%/năm, thu lợi 1.500.000 đồng *(trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 123.288 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.376.712 đồng).* Bà Lê Thị B đã trả hết tất cả khoản vay.

16. Từ ngày 31/10/2024 đến ngày 31/12/2024, Ph cho bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1986, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 06 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.500.000 đồng, lãi suất 243,33%/năm đến 2.433,33%/năm, thu lợi 2.583.333 đồng *(trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 212.329 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 2.371.005 đồng).* Bà Huỳnh Thị B còn nợ 2.083.333 đồng tiền gốc.

17. Từ ngày 29/12/2024 đến ngày 03/01/2025, Ph cho bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác: B), sinh năm 1990, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 10 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.000.000 đồng, lãi suất từ 165,91%/năm đến 608,33%/năm, thu lợi 1.000.000 đồng *(trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 164.384 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 835.616 đồng).* Bà Nguyễn Thị H đã trả hết tất cả khoản vay.

18. Từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024, Ph cho bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1990, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 05 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 1.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 497,73%/năm, thu lợi 639.130 đồng *(trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 69.041 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 570.089 đồng).* Bà Nguyễn Thị B còn nợ 739.130 đồng tiền gốc.

19. Từ ngày 11/12/2024 đến ngày 27/12/2024, Ph cho bà Phạm Thị Q, sinh năm 1984, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 03 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 5.000.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 1042,86%/năm, thu lợi 2.100.000 đồng *(trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 172.603 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.927.397 đồng).* Bà Phạm Thị Q còn nợ 4.500.000 đồng tiền gốc.

20. Từ ngày 02/11/2024 đến ngày 19/12/2024, Ph cho bà Lê Thị Kim Á, sinh năm 1972, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 03 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 5.000.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 331,82%/năm, thu lợi 3.000.000 đồng *(trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 246.575 đồng;*

khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 2.753.425 đồng). Bà Lê Thị Kim Á đã trả hết tất cả khoản vay.

21. Từ ngày 28/10/2024 đến ngày 03/01/2025, Ph cho bà Trương Thị S, sinh năm 1986, trú tại thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 07 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 4.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 684,38%/năm, thu lợi 2.100.000 đồng (*trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 230.137 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.869.863 đồng*). Bà Trương Thị S đã trả hết tất cả khoản vay.

22. Từ ngày 03/12/2024 đến ngày 20/12/2024, Ph cho bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1975, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 02 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.500.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 486,67%/năm, thu lợi 1.000.000 đồng (*trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 82.192 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 917.808 đồng*). Bà Nguyễn Thị Ph đã trả hết tất cả khoản vay.

23. Từ ngày 07/11/2024 đến ngày 02/01/2025, Ph cho bà Trương Thị G, sinh năm 1968, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 08 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 3.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 912,50%/năm, thu lợi 3.228.261 đồng (*trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 351.781 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 2.876.480 đồng*). Bà Trương Thị G còn nợ 2.478.261 đồng tiền gốc.

24. Từ ngày 01/11/2024 đến ngày 01/12/2024, Ph cho bà Phan Thị Th (tên gọi khác: G), sinh năm 1964, trú tại thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 05 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 7.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 456,25%/năm, thu lợi 1.900.000 đồng (*trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 180.822 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.719.718 đồng*). Bà Phan Thị Th đã trả hết tất cả khoản vay.

25. Từ ngày 07/11/2024 đến ngày 08/01/2025, Ph cho bà Trương Thị L (tên gọi khác: S), sinh năm 1961, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 09 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 3.000.000 đồng, lãi suất từ 608,33%/năm đến 1,368,75%/năm, thu lợi 3.600.000 đồng (*trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 394.521 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 3.205.479 đồng*). Bà Trương Thị L còn nợ 3.000.000 đồng tiền gốc.

26. Từ ngày 17/11/2024 đến ngày 30/12/2024, Ph cho bà Trần Thị Cẩm Ph (tên gọi khác: K), sinh năm 1988, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 04 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 456,25%/năm, thu lợi 1.200.000 đồng (*trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là:*

131.507 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.068.493 đồng). Bà Trần Thị Cẩm Ph đã trả hết tất cả khoản vay.

27. Từ ngày 06/12/2024 đến ngày 26/12/2024, Ph cho bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1994, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 03 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 1.000.000 đồng, lãi suất từ 165,91%/năm đến 521,43%/năm, thu lợi 300.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 49.315 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 250.685 đồng). Bà Nguyễn Thị B đã trả hết tất cả khoản vay.

28. Từ ngày 15/11/2024 đến ngày 02/01/2025, Ph cho bà Lê Thị Bé Ph, sinh năm 1983, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 04 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.000.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 521,43%/năm, thu lợi 2.000.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 164.384 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.835.616 đồng). Bà Lê Thị Bé Ph đã trả hết tất cả khoản vay.

29. Từ ngày 11/12/2024 đến ngày 07/01/2025, Ph cho bà Phan Thị H (tên gọi khác: M), sinh năm 1969, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 04 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 5.000.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 521,43%/năm, thu lợi 2.000.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 164.384 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.835.616 đồng). Bà Phan Thị H đã trả hết tất cả khoản vay.

30. Ngày 05/12/2024, Ph cho ông Đào Văn X, sinh năm 1989, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 01 lần, số tiền gốc cho vay là 2.500.000 đồng, lãi suất 243,33%/năm, thu lợi 500.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 41.096 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 458.904 đồng). Ông Đào Văn X đã trả hết khoản vay.

31. Ngày 07/12/2024, Ph cho bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1979, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 01 lần, số tiền gốc cho vay là 1.000.000 đồng, lãi suất 238,04%/năm, thu lợi 150.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 16.438 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 133.562 đồng). Bà Nguyễn Thị Kim H đã trả hết khoản vay.

32. Từ ngày 09/12/2024 đến ngày 08/01/2025, Ph cho bà Phạm Thị G, sinh năm 1970, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 05 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 1.000.000 đồng, lãi suất từ 497,73%/năm đến 1,825,00%/năm, thu lợi 600.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 65.753 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 534.247 đồng). Bà Phạm Thị G đã trả hết tất cả khoản vay.

33. Từ ngày 11/12/2024 đến ngày 03/01/2025, Ph cho bà Trần Thị B, sinh năm 1985, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 03 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 684,38%/năm, thu lợi 900.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 98.630 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 801.370 đồng). Bà Trần Thị B đã trả hết tất cả khoản vay.

34. Từ ngày 13/12/2024 đến ngày 29/12/2024, Ph cho bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982, trú tại thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 02 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 391,07%/năm, thu lợi 600.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 65.753 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 534.247 đồng). Bà Nguyễn Thị T đã trả hết tất cả khoản vay.

35. Từ ngày 18/12/2024 đến ngày 29/12/2024, Ph cho bà Bùi Thị Tuyết H, sinh năm 1971, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 02 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 5.000.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 730,00%/năm, thu lợi 2.000.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 164.384 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.835.616 đồng). Bà Bùi Thị Tuyết H đã trả hết tất cả khoản vay.

36. Từ ngày 23/12/2024 đến ngày 02/01/2025, Ph cho bà Lê Thị Tuyết Ng, sinh năm 1978, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 02 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 5.000.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 811,11%/năm, thu lợi 2.000.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 164.384 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.835.616 đồng). Bà Lê Thị Tuyết Ng đã trả hết tất cả khoản vay.

37. Từ ngày 30/12/2024 đến ngày 07/01/2025, Ph cho bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1994, trú tại thôn L 1, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 02 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 5.000.000 đồng, lãi suất từ 238,04%/năm đến 684,38%/năm, thu lợi 600.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 65.753 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 534.247 đồng). Bà Trần Thị Ngọc H đã trả hết tất cả khoản vay.

38. Ngày 01/01/2025, Ph cho bà Phạm Thị Th, sinh năm 1981, trú tại thôn L 2, xã C, tỉnh Khánh Hoà, vay 01 lần, số tiền gốc cho vay là 2.500.000 đồng, lãi suất 243,33%/năm, thu lợi 500.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 41.096 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 458.904 đồng). Bà Phạm Thị Th đã trả hết khoản vay.

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKSKV8-HS ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà đã truy tố bị cáo Lê Thị Ph về tội

“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà giữ quyền công tố luận tội: Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Thị Ph phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đề nghị mức phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng: Tại phiên tòa, bị cáo biết hành vi của mình là sai trái vi phạm pháp luật nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Toà án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng nhưng tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội:

Tại phiên toà, lời khai của bị cáo Lê Thị Ph phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà truy tố.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28 tháng 10 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2025, bị cáo Lê Thị Ph đã cho 38 người ở xã C, tỉnh Khánh Hoà vay tiền lấy lãi với lãi suất từ 165,91%/năm đến 2,433,33%/năm, cao gấp từ 8,2955 lần đến 121,666 lần mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 61.489.714đ (*Sáu mươi một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm mười bốn đồng*).

Xét thấy hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị Ph đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng và xâm phạm tài sản của người khác nên Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà truy tố bị cáo Lê Thị Ph về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Lê Thị Ph có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Thị Ph không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Lê Thị Ph phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Nhằm góp phần về việc tăng thu nộp ngân sách Nhà nước đối với loại tội phạm này, vì vậy áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Lê Thị Ph cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo Lê Thị Ph 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C65 màu bạc, số IMEI 1: 861880070794170, số IMEI 2: 861880070794162, gắn sim số thuê bao 0398020277, được bỏ vào túi niêm phong mã số: NS3.23003608 có chữ ký xác nhận của ông Mai Huy H, Nguyễn Duy Kh (Niêm phong còn nguyên vẹn, không kiểm tra tình trạng bên trong của gói niêm phong trên) là phù hợp với quy định tại Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra trả lại cho anh Trần Kim T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh đen, số seri: G0NHR189005H, gắn sim số 0338324001, đã qua sử dụng và trả lại cho chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1994, trú tại thôn L 3, xã C, tỉnh Khánh Hòa 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A3s, màu xám đen số IMEI 1: 869115045244114, số IMEI 2: 869115045244106 là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Tạm giữ, đưa vào hồ sơ vụ án 01 (một) cuốn sổ bìa da màu xanh, kích thước (24,5 x 17,5)cm, bên trong có 46 (bốn mươi sáu) trang ghi thông tin liên quan đến việc cho vay tiền góp lấy lãi bằng mực màu xanh.

[7]. Biện pháp tư pháp:

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Lê Thị Ph và những người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền để sung ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cụ thể:

Buộc bị cáo Lê Thị Ph nộp 100.110.285 đồng (*Trong đó: 93.815.217 đồng tiền gốc cho vay, 6.295.068 đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là tiền do phạm tội mà có*).

Buộc bà Lương Kim T nộp 7.304.348 đồng, bà Bùi Thị S nộp 1.913.043 đồng, bà Huỳnh Thị L nộp 2.166.667 đồng, bà Huỳnh Thị B nộp 2.083.333 đồng, bà Nguyễn Thị B nộp 739.130 đồng, bà Phạm Thị Q nộp 4.500.000 đồng, bà Trương Thị G nộp 2.478.261 đồng, bà Trương Thị L nộp 3.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Lê Thị Ph phải hoàn trả lại số tiền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể:

Bà Nguyễn Thị R 3.212.329 đồng; bà Nguyễn Thị L 2.003.425 đồng; bà Lương Kim Ph 917.808 đồng; bà Trần Thị Thu Ng 2.753.425 đồng; bà Nguyễn Thị H 1.602.740 đồng; bà Lê Thị L (tên gọi khác: B) 667.808 đồng; bà Nguyễn Thị Ph 3.671.233 đồng; bà Lương Kim T 2.232.567 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc L (tên gọi khác: T) 1.376.712 đồng; bà Phạm Thị K 2.294.521 đồng; bà Lê Thị B (tên gọi khác: T) 534.247 đồng; bà Lê Thị Nh 5.047.945 đồng; bà Bùi Thị S 279.071 đồng; bà Huỳnh Thị L 2.166.667 đồng; bà Lê Thị B 1.376.712 đồng; bà Huỳnh Thị B 2.371.005 đồng; bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác: B) 835.616 đồng; bà Nguyễn Thị B 570.089 đồng; bà Phạm Thị Q 1.927.397 đồng; bà Lê Thị Kim Á 2.753.425 đồng; bà Trương Thị S 1.869.863 đồng; bà Nguyễn Thị Ph 917.808 đồng; bà Trương Thị G 2.876.480 đồng; bà Phan Thị Th (tên gọi khác: G) 1.719.718 đồng; bà Trương Thị L (tên gọi khác: S) 3.205.479 đồng; bà Trần Thị Cẩm Ph (tên gọi khác: K) 1.068.493 đồng; bà Nguyễn Thị B: 250.685 đồng; bà Lê Thị Bé Ph 1.835.616 đồng; bà Phan Thị H (tên gọi khác: M) 1.835.616 đồng; ông Đào Văn X 458.904 đồng; bà Nguyễn Thị Kim H 133.562 đồng; bà Phạm Thị G 534.247 đồng; bà Trần Thị B 801.370 đồng; bà Nguyễn Thị T 534.247 đồng; bà Bùi Thị Tuyết H 1.835.616 đồng; bà Lê Thị Tuyết Ng 1.835.616 đồng; bà Trần Thị Ngọc H 534.247 đồng; bà Phạm Thị Th (tên gọi khác: T) 458.904 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.150.000 đồng của bị cáo Lê Thị Ph để đảm bảo thi hành án.

[8]. Về các vấn đề khác:

Bà Nguyễn Thị B có vay tiền của bị cáo Lê Thị Ph và khi bà B trả tiền cho bị cáo Ph có một số người nhờ bà B đi đóng tiền giúp; anh Trần Kim T là con trai của bị cáo Ph có nhận tiền lãi của những người vay tiền (khi bị cáo Ph không có mặt ở nhà).

Tuy nhiên, anh T và bà B không được hưởng lợi từ việc cho vay, không cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo Ph và cũng không có vai trò đồng phạm nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Nguyễn Thị B, Trần Kim T là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. Về án phí:

Bị cáo Lê Thị Ph phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Ph phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ph số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lê Thị Ph 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C65 màu bạc, số IMEI 1: 861880070794170, số IMEI 2: 861880070794162, gắn sim số thuê bao 0398020277, được bỏ vào túi niêm phong mã số: NS3.23003608 có chữ ký xác nhận của ông Mai Huy H, Nguyễn Duy Kh (Niêm phong còn nguyên vẹn, không kiểm tra tình trạng bên trong của gói niêm phong trên).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13 tháng 10 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu Vực 8, tỉnh Khánh Hoà).

3. Biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Buộc bị cáo Lê Thị Ph nộp lại số tiền 100.110.285đ (*Một trăm triệu một trăm mười nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng*) để sung ngân sách Nhà nước, trong đó: Khoản tiền cho vay (tiền gốc) 93.815.217đ (*Chín mươi ba triệu tám trăm mười lăm nghìn hai trăm mười bảy đồng*) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là tiền do phạm tội mà có 6.295.068đ (*Sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*).

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Bà Lương Kim T, nộp số tiền 7.304.348đ (*Bảy triệu ba trăm lẻ bốn nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng*).

+ Bà Bùi Thị S, nộp số tiền 1.913.043đ (*Một triệu chín trăm mười ba nghìn không trăm bốn mươi ba đồng*).

+ Buộc bà Huỳnh Thị L, nộp số tiền 2.166.667đ (*Hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

+ Buộc bà Huỳnh Thị B, nộp số tiền 2.083.333đ (*Hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

+ Buộc bà Nguyễn Thị B, nộp số tiền 739.130đ (*Bảy trăm ba mươi chín nghìn một trăm ba mươi đồng*).

+ Buộc bà Phạm Thị Q, nộp số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Buộc bà Trương Thị G, nộp số tiền 2.478.261đ (*Hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi một đồng*).

+ Buộc bà Trương Thị L (tên gọi khác: Sáu), nộp số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Lê Thị Ph trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính và khoản lãi tương ứng với lãi suất trên 20%/năm). Cụ thể:

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị R, số tiền 3.212.329đ (*Ba triệu hai trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị L, số tiền 2.003.425đ (*Hai triệu không trăm lẻ ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*).

+ Trả lại cho bà Lương Kim Ph, số tiền 917.808đ (*Chín trăm mười bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng*).

+ Trả lại cho bà Trần Thị Thu Ng, số tiền 2.753.425đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị H, số tiền 1.602.740đ (*Một triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*).

+ Trả lại cho bà Lê Thị L (tên gọi khác: B), số tiền 667.808đ (*Sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng*).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ph, số tiền 3.671.233đ (*Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng*).

+ Trả lại cho bà Lương Kim T, số tiền 2.232.567đ (*Hai triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng*).

- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc L (tên gọi khác: T), số tiền 1.376.712đ (*Một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng*).
- + Trả lại cho bà Phạm Thị K, số tiền 2.294.521đ (*Hai triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi một đồng*).
- + Trả lại cho bà Lê Thị B (tên gọi khác: T), số tiền 534.247đ (*Năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*).
- + Trả lại cho bà Lê Thị Nh, số tiền 5.047.945đ (*Năm triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*).
- + Trả lại cho bà Bùi Thị S, số tiền 279.071đ (*Hai trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bảy mươi một đồng*).
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị L, số tiền 2.166.667đ (*Hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).
- + Trả lại cho bà Lê Thị B, số tiền 1.376.712đ (*Một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng*).
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị B, số tiền 2.371.005đ (*Hai triệu ba trăm bảy mươi một nghìn không trăm lẻ năm đồng*).
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác: Bé), số tiền 835.616đ (*Tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị B, số tiền 570.089đ (*Năm trăm bảy mươi nghìn không trăm tám mươi chín đồng*).
- + Trả lại cho bà Phạm Thị Q, số tiền 1.927.397đ (*Một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*).
- + Trả lại cho bà Lê Thị Kim Á, số tiền 2.753.425đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*).
- + Trả lại cho bà Trương Thị S, số tiền 1.869.863đ (*Một triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng*).
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ph, số tiền 917.808đ (*Chín trăm mười bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng*).
- + Trả lại cho bà Trương Thị G, số tiền 2.876.480đ (*Hai triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi đồng*).
- + Trả lại cho bà Phan Thị Th (tên gọi khác: G), số tiền 1.719.718đ (*Một triệu bảy trăm mười chín nghìn bảy trăm mười tám đồng*).
- + Trả lại cho bà Trương Thị L (tên gọi khác: S), số tiền 3.205.479đ (*Ba triệu hai trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng*).
- + Trả lại cho bà Trần Thị Cẩm Ph (tên gọi khác: Kẹo), số tiền 1.068.493đ (*Một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị B, số tiền 250.685đ (*Hai trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng*).

+ Trả lại cho bà Lê Thị Bé Ph, số tiền 1.835.616đ (*Một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

+ Trả lại cho bà Phan Thị H (tên gọi khác: M), số tiền 1.835.616đ (*Một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

+ Trả lại cho ông Đào Văn X, số tiền 458.904đ (*Bốn trăm năm mươi tám nghìn chín trăm lẻ bốn đồng*).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H, số tiền 133.562đ (*Một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*).

+ Trả lại cho bà Phạm Thị G, số tiền 534.247đ (*Năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*).

+ Trả lại cho bà Trần Thị B, số tiền 801.370đ (*Tám trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị T, số tiền 534.247đ (*Năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*).

+ Trả lại cho bà Bùi Thị Tuyết H, số tiền 1.835.616đ (*Một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

+ Trả lại cho bà Lê Thị Tuyết Ng, số tiền 1.835.616đ (*Một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

+ Trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H, số tiền 534.247đ (*Năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*).

+ Trả lại cho bà Phạm Thị Th (tên gọi khác: T), số tiền 458.904đ (*Bốn trăm năm mươi tám nghìn chín trăm lẻ bốn đồng*).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.150.000đ (*Mười một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) của bị cáo Lê Thị Ph để đảm bảo thi hành án (Theo Ủy nhiệm chi số 36, Lập ngày 03 tháng 10 năm 2025 tại Kho bạc Nhà nước (NH): khu vực XIV).

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị Ph phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 04/12/2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND Khu Vực 8 – Khánh Hoà;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam số 2, CA tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng T.H.A Khu Vực 8 – Khánh Hoà;
- Phòng PC01 CA tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Khánh Hoà;
- Bị cáo; Người có QL,NV liên quan;
- Lưu hồ sơ, tập bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Tiến